

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS-ST

Ngày: 12/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 03 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 03 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Huỳnh Phước T. Sinh ngày 11 tháng 5 năm 1985 tại TP.HCM. Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn H, huyện H, Tp.HCM; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Phước X và bà: Lý Thị N; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 27/12/2018 bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Phạm Hải Q. Sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 tại Tp.HCM. Hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã X, huyện H, Tp.HCM; Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 6, xã X, huyện H, Tp.HCM; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và bà: Lê Ngọc N; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/. Họ và tên: Trần Xuân T1. Sinh ngày 17 tháng 01 năm 1997 tại Tp.HCM. Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện H, Tp.HCM; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Trần Khắc D (chết) và bà: Phạm Thị Thu H; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 29/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phan Vinh Q, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn H, huyện H, Tp.HCM

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Công T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

HKTT: ấp T, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

+ Ông Bùi Minh H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: ấp N, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

+ Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt)

HKTT: đường số 8, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Huỳnh Phước T rủ Phạm Hải Q cùng đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Khoảng 2 giờ ngày 12/8/2018 T điều khiển xe máy biển số 16L6-5567 chở Q đến nhà số 18/4C khu phố 4, thị trấn H, huyện H của ông Phan Vinh Q, T đứng ngoài canh giới còn Q bẻ khóa đột nhập vào trong lấy xe máy hiệu Vision biển số 59N1-416.02, ngoài ra còn cái ti vi hiệu Sony 42 inch nhưng Q không lấy, rồi ra ngoài cùng T tẩu thoát. Khi đến gần tiệm bán cá 10 Sun tại khu vực xã T, huyện H thì T nói Q ở lại giữ xe để T đi lấy tiếp cái ti vi. Sau đó T vào tiệm bán cá rủ Trần Xuân T1 đi trộm ti vi thì T1 đồng ý, T chở T1 đến địa chỉ trên, cả hai vào trong khiên ti vi ra ngoài rồi cùng về lại chỗ Q. Lúc này T gọi điện cho Đinh Công T thỏa thuận cầm ti vi và kêu Q chở đến cho Đinh Công T lấy 1.700.000 đồng. T cho Q 200.000 đồng, cho T1 750.000 đồng, còn lại T hưởng 750.000 đồng.

Còn xe máy biển số 59N1-416.02 thì Q và T tháo bỏ biển số thay vào biển số 16L6-5567 (xe của anh trai T), sau đó cùng đem xe đến nhà Bùi Minh H nhờ cầm hộ được 3.700.000 đồng, T đưa cho Q 2.000.000 đồng để chuộc xe, T cho H 200.000 đồng, còn 1.500.000 đồng cả hai cùng tiêu xài.

Tại Công an thị trấn H và tại Công an điều tra huyện H, Huỳnh Phước T, Phạm Hải Q, Trần Xuân T1 đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản xác định xe gắn máy hiệu Honda loại Vision màu trắng đen bạc biển số 59N1-416.02 trị giá 21.000.000

đồng, 01 ti vi Sony Bravia 42 inch trị giá 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 26.000.000 đồng.

Bùi Minh H, Đinh Công T khai nhận không biết tài sản mình nhận cầm cố do phạm tội mà có, đã giao nộp lại tài sản. lời khai của người liên quan phù hợp với lời khai của bị cáo T, Q.

Vật chứng thu giữ:

- Xe gắn máy biển số 59N1-416.02 có số khung RLHJF3309CY159590, số máy JF33E-015926; 01 biển số xe 16L6-5567; 01 cái mỏ lết dài khoảng 25cm.

- Đối với xe máy, qua xác minh xe do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu chưa làm việc được. Ông Phan Vinh Q khai nhận mua xe có viết giấy tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên, hiện giấy tay đã thất lạc, ông yêu cầu được nhận lại xe.

- Đối với biển số xe 16L6-5567, qua xác minh xe do Lê Quang C đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh chưa làm việc được. T khai xe của anh trai là Huỳnh Phước D mua để sử dụng, T mượn xe đi uống cà phê, hiện D đã điều khiển xe đi đâu không rõ, qua xác minh chưa làm việc được.

Về dân sự: Ông Q đã nhận lại ti vi, riêng xe máy biển số 59N1-416.02 yêu cầu được nhận lại.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-HS ngày 27/02/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Huỳnh Phước T, Phạm Hải Q, Trần Xuân T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Phước T từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hải Q từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân T1 từ 9 đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: 01 cái mỏ lết dài khoảng 25 cm; 01 biển số xe 16L6-5567 và 01 xe gắn máy hiệu Vision biển số 59N1-416.02 có số khung RLHJF3309CY159590, số máy JF33E-015926 đề nghị xử lý theo quy định chung.

- Áp dụng điểm b Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính: Đối với bị cáo T nộp lại 1.700.000 đồng, bị cáo Q nộp lại 2.950.000 đồng, bị cáo T1 nộp lại 750.000 đồng.

- Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo Q và bị cáo T1 đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành những công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay qua phần xét hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo Huỳnh Phước T, Phạm Hải Q, Trần Xuân T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận nhằm mục đích có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà số 18/4C khu phố 4, thị trấn H để chiếm đoạt xe máy biển số 59N1-416.02 và tivi Sony 42 inch của anh Phan Vinh Q.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: hành vi lén lút chiếm đoạt xe máy và ti vi vào khuya ngày 12/8/2018 của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội ‘Trộm cắp tài sản’. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: trong vụ án này, mặc dù bị cáo T, bị cáo Q và bị cáo T1 cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc công việc cụ thể nên vụ án này chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng và cảnh giới, bị cáo Q trực tiếp thực hiện chiếm đoạt xe. Sau đó bị cáo T còn rủ bị cáo T1 quay lại chiếm đoạt thêm tivi, cả hai bị cáo T và T1 cùng nhau thực hiện việc chiếm đoạt ti vi.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra một dư luận không tốt trong nhân dân. Bản thân các bị cáo nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cho bản thân, muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo

đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Huỳnh Quốc T: Trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, khi chiếm đoạt được xe máy xong bị cáo còn rủ bị cáo T1 quay lại chiếm đoạt thêm tivi, hành vi của bị cáo rất ngoan cố và táo bạo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Xuân T1: Về nhân thân: Ngày 29/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: không có.

Đối với bị cáo Phạm Hải Q: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Quân thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập, đang ở cùng

gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Các bị cáo đã đem tài sản chiếm đoạt được đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tại cơ quan điều tra, Bùi Minh H và Đinh Công T khai nhận không biết tài sản mình nhận cầm cố do phạm tội mà có, đã giao nộp lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, ngoài ra, đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo T cho H, bị cáo T không yêu cầu H trả lại, bị cáo T tự nguyện nộp lại số tiền này.

Do đó, buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính: Đối với bị cáo T nộp lại 1.700.000 đồng, bị cáo Q nộp lại 2.950.000 đồng, bị cáo T1 nộp lại 750.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ 01 cái mỏ lách dài khoảng 25cm, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Vision biển số 59N1-416.02 có số khung RLHJF3309CY159590, số máy JF33E-015926 qua xác minh xe do Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu, chưa làm việc được; Đối với 1 biển số xe 16L6-5567 qua xác minh do Lê Quang C đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh chưa làm việc được. Hội đồng xét xử giao Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

[7] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại ti vi. Đối với xe vision, ông Q yêu cầu được nhận lại, tuy nhiên do chưa làm việc được với chủ sở hữu và giấy tay mua bán xe cũng đã thất lạc, ông Q cũng không chứng minh được xe thuộc sở hữu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nhận lại xe của ông Quang.

Ngoài ra, ông Q không yêu cầu nào khác nên hội đồng không xem xét.

Bùi Minh H, Đinh Công T không biết tài sản do mình cầm cố do phạm tội mà có, ngoài ra cũng không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng không xem xét.

[8] Về án phí: bị cáo T, bị cáo Q và bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Phước T, Phạm Hải Q, Trần Xuân T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Phước T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2018.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hải Q 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Xuân T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2018.

2/. Áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái mỏ lách dài khoảng 25 cm theo Lệnh nhập kho vật chứng số 89/LNK-CSĐT-ĐTTH ngày 11/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền 01 biển số xe 16L6-5567 và 01 xe gắn máy hiệu Vision biển số 59N1-416.02 có số khung RLHJF3309CY159590, số máy JF33E-015926 xử lý theo quy định chung.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 89/LNK-CSĐT-ĐTTH ngày 11/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H).

3/ Áp dụng điểm b Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính: Đối với bị cáo T nộp lại 1.700.000 đồng, bị cáo Q nộp lại 2.950.000 đồng, bị cáo T1 nộp lại 750.000 đồng.Thi hành khi án có hiệu lực.

4/. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Huỳnh Phước T, Phạm Hải Q, Trần Xuân T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H.H;
- VKSND Tp.HCM;
- CQĐT Công an H.H;
- Chi cục THADS H.
- Nhà tạm giữ Công an H.H;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng